

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH BÌNH THUẬN

TÀI LIỆU DẠY – HỌC
CHƯƠNG TRÌNH

NGŨ VĂN ĐỊA PHƯƠNG

TRUNG HỌC CƠ SỞ

TỈNH BÌNH THUẬN



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

ThS. Nguyễn Văn Hiến (Chủ biên)
Võ Văn Tám (Tổ chức và biên soạn)
GS. Nguyễn Khắc Phi – TS. Nguyễn Thị Bạch Nhạn
Đỗ Kim Ngư – ThS. Nguyễn Thị Liên Tâm – Nguyễn Bá Tự Hà

TÀI LIỆU DẠY – HỌC
CHƯƠNG TRÌNH NGỮ VĂN ĐỊA PHƯƠNG
TRUNG HỌC CƠ SỞ
TỈNH BÌNH THUẬN

(Tái bản lần thứ nhất)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Chịu trách nhiệm xuất bản :

Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc NGÔ TRẦN ÁI
Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng biên tập VŨ VĂN HÙNG

Tổ chức bản thảo và chịu trách nhiệm nội dung :

Phó Tổng biên tập PHAN XUÂN KHÁNH

Phó Giám đốc phụ trách Công ty CP Dịch vụ xuất bản giáo dục Gia Định
TRẦN THỊ KIM NHUNG

Biên tập lần đầu : PHAN HUỲNH BÍCH NGỌC

Biên tập tái bản : BÍCH VÂN

Biên tập kĩ thuật và chế bản : YẾN NHI

Trình bày bìa : HOÀNG PHƯƠNG LIÊN

Sửa bản in : VÕ THỊ LỘC

Công ty CP Dịch vụ xuất bản giáo dục Gia Định – Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
giữ quyền công bố tác phẩm.

**TÀI LIỆU DẠY - HỌC CHƯƠNG TRÌNH NGỮ VĂN ĐỊA PHƯƠNG
TRUNG HỌC CƠ SỞ TỈNH BÌNH THUẬN**

Lời nói đầu

Chương trình cấp Trung học cơ sở (THCS) do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành từ năm học 2002 – 2003 có dành một thời lượng chính khoá cho Chương trình địa phương ở ba môn : Ngữ văn, Lịch sử, Địa lí. Môn Lịch sử dạy từ lớp 6 đến lớp 9, mỗi năm từ 1 đến 2 tiết/ khối lớp ; môn Địa lí chỉ dạy 4 tiết ở khối lớp 9 ; riêng môn Ngữ văn có một thời lượng khá lớn, mỗi năm dạy từ 5 đến 6 tiết / khối lớp, từ lớp 6 đến lớp 9.

Đưa Chương trình địa phương vào chương trình chính khoá cho việc dạy – học cấp THCS xuất phát từ những yêu cầu nhằm bổ sung trang bị cho học sinh có vốn kiến thức tương đối toàn diện về góc độ xã hội và nhân văn. Trước đây, trong sách giáo khoa Văn – Tiếng Việt – Làm văn, Lịch sử, Địa lí THCS đã cơ cấu biên soạn nội dung cung cấp kiến thức cho học sinh hiểu biết khá rộng từ cổ chí kim, từ Đông sang Tây, học sinh học địa lí Châu Mỹ, Châu Âu, Châu Phi, học lịch sử thế giới từ cổ đại đến hiện đại, học văn học thế giới từ văn học Trung Quốc, Ấn Độ, Mĩ, Nga, Pháp, Anh, Đức nhưng những nét đặc điểm cơ bản về địa lí, lịch sử, văn học trên chính quê hương mình thì không có điều kiện để biết đến, vì cơ cấu chương trình không dành thời lượng cho vấn đề địa phương. Chính vì vậy, từ năm 2002, tiến hành thay sách giáo khoa THCS, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã đưa Chương trình địa phương vào dạy và học trong chương trình chính khoá, nhằm giúp cho học sinh khi vào đời có được những kiến thức khái quát cơ bản nhất định về địa lí, lịch sử, ngữ văn ở trên chính quê hương mình.

Chương trình địa phương nhằm đề cập đến những vấn đề riêng của từng tỉnh, nên trong sách giáo khoa do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chỉ định hướng chung, còn giao cho từng địa phương biên soạn những nội dung cụ thể để sát hợp với tình hình thực tế. Đối với tỉnh Bình Thuận, từ khi tiến hành thay sách giáo khoa THCS môn Ngữ văn, ngành giáo dục đã từng bước tiến hành chỉ đạo việc dạy và học Chương trình địa phương, nhưng từ thực tế cho thấy việc đưa nội dung kiến thức vào trường phổ thông để dạy – học là một vấn đề rất quan trọng, cần phải có sự đầu tư, nghiên cứu mang tính khoa học, nên chúng tôi đã tiến hành biên soạn **Tài liệu dạy – học Chương trình Ngữ văn địa phương THCS tỉnh Bình Thuận.**

Viết tài liệu dạy – học này, chúng tôi căn cứ vào phân phối chương trình khung chính khoá của Bộ Giáo dục và Đào tạo đã quy định về thời lượng, về định hướng trong sách giáo khoa cho từng tiết học. Dựa trên định hướng và cơ cấu tổng

thể của hệ thống Chương trình Ngữ văn THCS từ lớp 6 đến lớp 9, từ đặc điểm thể loại đến nội dung, chúng tôi đã cơ cấu Chương trình Ngữ văn địa phương THCS theo từng cấp lớp như sau :

– Lớp 6 chủ yếu giới thiệu thể loại tự sự – trích dẫn tư liệu dạy học : đọc hiểu văn bản truyện dân gian ;

– Lớp 7 tập trung vào thể loại trữ tình và nghị luận – trích dẫn tư liệu dạy học : đọc hiểu văn bản ca dao, tục ngữ ;

– Lớp 8 tập trung vào thể loại thuyết minh và văn học viết – giới thiệu hai tác giả tiêu biểu về văn học trung – cận đại địa phương : Nguyễn Thông và Trương Gia Mô ;

– Lớp 9 tích hợp các thể loại trong cả cấp học và chỉ giới thiệu bài khái quát về văn học hiện đại địa phương từ đầu thế kỉ XX đến nay, không trích văn bản để đọc hiểu, nhưng được bổ sung đọc thêm khá phong phú trong phần Phụ lục.

Trong mỗi cấp lớp đều có trích dẫn đọc thêm một số bài viết mang tính nhật dụng để học sinh tham khảo.

Vì sự quy định cụ thể về thời lượng trong chương trình, cũng như định hướng trong sách giáo khoa cho mỗi tiết học, nên nội dung tư liệu đưa vào 1 tiết học cũng hết sức chọn lọc, vì thế, việc tiếp thu của học sinh về kiến thức ngữ văn địa phương trên lớp cũng có phần giới hạn, chưa có được cái nhìn tương đối toàn diện về đặc điểm quê hương, văn học, ngôn ngữ địa phương của tỉnh nhà. Do đó, chúng tôi viết phần Phụ lục để giúp giáo viên có tư liệu giới thiệu và hướng dẫn cho học sinh đọc tham khảo, nhằm bổ sung kiến thức cho học sinh hiểu biết về ngữ văn địa phương khi đang còn ngồi trên ghế nhà trường cấp THCS.

Mặc dù có nhiều cố gắng từ khâu sưu tầm, tập hợp, thẩm định, hiệu đính đến khâu chọn lọc tư liệu để biên soạn, nhưng đây là việc làm khá mới và khó đối với một địa phương, nên chắc chắn không tránh khỏi những thiếu sót, mong nhận được sự đóng góp chân tình từ phía người đọc để tài liệu dạy – học này được hoàn chỉnh hơn trong những lần tái bản sau.

NHÓM BIÊN SOẠN

NGŨ VĂN ĐỊA PHƯƠNG LỚP 6



Ngũ văn địa phương lớp 6 gồm 5 tiết được phân phối theo chương trình như sau : Bài 16, tiết 69, 70 : Văn và Tập làm văn ; Bài 21, tiết 87 : Tiếng Việt ; Bài 35, tiết 139, 140 : Văn và Tập làm văn.

Bài 16

Tiết 69 : VĂN

VĂN HỌC DÂN GIAN ĐỊA PHƯƠNG

Khái niệm *địa phương* trong chương trình *Ngũ văn địa phương* cần được hiểu một cách đầy đủ : Địa phương là thôn, xã cụ thể, nhưng cũng có thể là huyện, thị, tỉnh, thành phố hoặc rộng hơn nữa là khu vực, vùng, miền.

Văn học dân gian gồm nhiều thể loại : truyện, thơ (kể cả trường ca), hò, vè, ... Ngũ văn địa phương lớp 6, phân môn Văn, tập trung giới thiệu phần văn bản tự sự : truyện dân gian.

Hai truyện dân gian tuyển chọn giới thiệu sau đây là của hai dân tộc đang có mặt sinh sống không chỉ trên quê hương Bình Thuận, mà họ còn cư trú trên địa bàn ở một số tỉnh bạn trong khu vực, nên nó có vị trí của văn học vùng, miền. Đó là truyện : *Chim Te Te* và *Sự tích đàn đá Bác Ái*. Học sinh dựa vào phần Đọc – hiểu văn bản để tìm hiểu kĩ truyện *Chim Te Te* (dân tộc K'ho), *Sự tích đàn đá Bác Ái* (dân tộc Raglay) và truyện *Nàng Ka–Điêng, Cậu bé thông minh* (dân tộc Chăm) nhằm giới thiệu để đọc thêm.

CHIM TE TE⁽¹⁾

Dân tộc K'ho



Chim te te mỏ đỏ

Thuở ấy, Trái Đất mới bắt đầu mọc cỏ. Cây to chưa có. Ông Mặt Trời nóng như lửa đốt. Con thỏ, con nai không có chỗ núp. Con ong, con chim không có cành đậu.

Giàng⁽²⁾ thương quá bèn ra lệnh cho muôn loài phải trồng cây. Giống nào làm tổ trên cao thì phải trồng cây to. Giống nào sợ nắng ông Mặt Trời thì trồng cây to lá. Giống nào hay sợ gió thì trồng lùm cây thấp. Chàng Ong, cô Bướm thì lo việc trồng hoa.

Lệnh truyền đi, từ cô chú có sừng đến anh chị có cánh đều phấn khởi rủ nhau đi mở hội trồng cây.

Riêng chị Te Te làm biếng giả bệnh nằm nhà, chỉ lo ca hát. Đã vậy lại còn phá phách. Cây nào nhú mầm là Te Te ngắt ngọn hết, có khi còn đào cả gốc lên.

Công và Nai tức lắm, tới rủ Chồn Mướp và Thỏ Mốc đi rình. Chị Te Te bị bắt quả tang. Te Te bị trói cánh giải về nộp cho Giàng xử tội. Te Te nằm vạ không chịu đi. Chồn Mướp và Thỏ Mốc trói cặp giò chị lại và lôi đi xồng xộc. Te Te khóc lóc xin tha, nhưng không được.

Giàng mở phiên toà xử tội Te Te. Phiên toà đông lắm. Cu Cườm, Chào Mào, Chích Choè, Se Sẻ và cả Cà Hét nữa ... cũng kéo tới dự.

Giàng hỏi cả lũ :

– Te Te không chịu trồng cây mà còn phá hoại, vậy để ông Mặt Trời thiêu cháy trụ lông nó. Được không ?

Thỏ Mốc đòi :

– Xin đừng đốt lông, mà chặt tiện cả hai cánh, để nó không còn bay đi phá phách được nữa.

Mụ Quạ không kém phần độc ác :

– Xin đừng chặt cánh, cũng đừng đốt lông, chỉ đâm mù hai con mắt. Không thấy cây, không thấy mầm thì nó chịu thôi.

Riêng chú Nai thì tỏ lòng thương hại :

– Nai xin Giàng đừng nhổ lông, đừng chặt cánh, cũng không đâm mù hai mắt. Xử vậy thì nó sống đau đớn lắm, tội nghiệp ! Nhưng phải cho nó một hình phạt sao cho nó sống và giúp ích được cho ta.

Giàng khen :

– Hay lắm ! Hay lắm ! Nai thông minh, giỏi lắm ! Vậy Te Te lắng tai mà nghe, Giàng xử thế này : Không cho mày ngủ trên cây, không cho mày ngủ trong bụi rậm, vì mày không chịu trồng cây. Giàng bắt mày phải ngủ ngoài trắng trống. Giàng cũng cho mày làm tổ, nhưng không được đi cắn cây để lót, mà phải moi đất lên làm tổ để ngủ. Đó chỉ mới là xử tội làm biếng không chịu trồng cây. Còn tội thứ hai là tội phá hoại cây cối. Giàng xử bắt mày phải làm đũa canh rừng, không để cho kẻ xấu phá hoại.

Te Te sợ quá xin hỏi :

Giàng bắt con chui trong đất để ngủ thì con còn nghe thấy được gì mà báo động ?

Giàng bảo :

– Được. Được. Giàng đã có cách. Giàng bắt mày không được ngủ nằm sấp mà phải nằm ngửa ra, chống hai chân lên trời, để cho hai lá phổi mày áp sát mặt đất làm thay công việc của cái lỗ tai. Ngủ như vậy thì có đũa nào động dậy từ xa mày cũng đã nghe được mà phát hiện ra ngay.

Te Te cúi đầu chịu tội, không dám van nài nữa. Phiên toà giải tán. Chồn Mướp và Thỏ Mốc lấy làm khoái chí, ngoái cổ lại chỉ vào mặt Te Te :

– Mày nghe chưa ? Thế là từ nay mày phải ra ngoài trắng trống, đào đất lên mà ở, nằm ngửa chống hai chân lên trời mà ngủ. Mày phải làm đũa canh rừng. Cho mày sống, nhưng mày phải sống có ích. Rõ chưa ?

Anh Công múa tròn xoè hai cánh, không ngớt lời ca ngợi :

– Giàng và anh Nai giỏi thật, giỏi thật !

(Hồ Phú Diên sưu tầm)

Chú thích

- (1)** *Chim Te Te* là truyện dân gian thuộc loại ngụ ngôn, của dân tộc K'ho, do Hồ Phú Diên sưu tầm và đã được Sở Văn hoá Thông tin Thuận Hải xuất bản năm 1982.

Ngụ ngôn : Nghĩa đen là cách nói có ngụ ý, có gửi gắm một ý tứ sâu kín trong đó. Truyện ngụ ngôn là loại truyện tưởng tượng. Người xưa thường mượn chuyện của loài vật hoặc chuyện con người nêu lên một sự kiện nhằm gửi gắm những vấn đề có ý nghĩa sâu kín liên quan đến thực tế đời sống xã hội để khuyên răn con người.

(2) *Giàng* : Trời.

Đọc – hiểu văn bản

- Sau khi đọc xong, hãy kể lại truyện *Chim Te Te* theo trình tự cốt truyện :
 - Những khó khăn của muôn loài khi sống mà không có cây cối.
 - Lệnh trồng cây của Giàng.
 - Te Te không thực hiện mà còn phá hoại.
 - Phiên toà xử tội Te Te.
 - Phản ứng của các loài muông thú khi toà xử tội Te Te.
- Nguyên nhân nào dẫn đến phiên toà của Giàng xử tội Te Te ?
- Em nghĩ gì về cách đề nghị xử tội Te Te của Thỏ Mốc và Quạ ?
- Em có đồng tình với Giàng về cách xử tội Te Te như vậy không ? Vì sao ?
- Nội dung ý nghĩa truyện *Chim Te Te* nhằm nói lên điều gì ? Câu chuyện còn có ý nghĩa gì đối với cuộc sống của chúng ta hôm nay ?
- Truyện *Chim Te Te* có gì giống và khác so với các truyện dân gian đã học trong sách *Ngữ văn 6, tập 1* ?

Ý nghĩa cần ghi nhớ

Truyện *Chim Te Te* mang tính ngụ ngôn, mượn chuyện loài vật để nhắc nhở con người phải biết bảo vệ thiên nhiên – môi trường sống. Kẻ nào phá hoại thiên nhiên – môi trường sống sẽ bị lên án và bị trừng phạt nghiêm khắc.

*Đọc thêm***NÀNG KA-ĐIÊNG*****Dân tộc Chăm***

Ngày xưa, có một gia đình nhà nọ, tuy hai vợ chồng tuổi đã khá cao mà vẫn không có mụn con nào cả. Hai người rất phiền muộn về sự hẩm hiu của mình.

Một hôm, nhân ngày hội Ka-tê, ngày lễ lớn của dân tộc, hai ông bà bèn đem lễ vật lên tháp cúng vái để cầu con. Điều mong muốn của ông bà đã được thánh thần động lòng. Chẳng bao lâu bà mang thai.

Hai ông bà lấy làm vui sướng khi nghĩ tới một ngày kia, đứa con ra đời sẽ khôn ngoan, đẹp đẽ hơn người.

Nhưng mười tháng trôi qua mà bà vẫn chưa chuyển bụng. Chờ mãi, chờ mãi, ba năm sau bà mới sinh được một bé gái. Vừa lọt lòng mẹ, bé đã biết đi, biết nói. Nhưng nhìn đứa con mới ra đời, cả hai ông bà cùng thất vọng : Nó chỉ lớn bằng ngón tay út mà thôi. Hai người bèn đặt tên cho bé là Ka-Điêng (có nghĩa là ngón út).

Thấm thoát mười sáu năm trôi qua mà Ka-Điêng vẫn không lớn hơn được một chút nào, mặc dù nàng rất thông minh, lanh lợi. Hai vợ chồng già ngày càng buồn chán và lo sợ.

Một đêm nọ, hai vợ chồng bàn với nhau nên đem Ka-Điêng bỏ vào rừng sâu, vì cho nàng là hiện thân của ma quỷ.

Sáng hôm sau, người cha đưa Ka-Điêng lên rừng. Ông làm một cái chòi nhỏ vừa đủ để Ka-Điêng nướng nấu và phát rẫy trồng dưa để nàng sinh sống qua ngày. Sau khi để lại cho Ka-Điêng một ít lương thực dự trữ, ông tìm cách quay về nhà, tuy trong lòng rất mực thương con.

Từ đó, Ka-Điêng sống một mình nơi rừng thẳm với mái chòi và rẫy dưa. Ngày qua ngày, dưa trở bông rồi đơm trái. Từ khi Ka-Điêng đến đây ở, góc rừng này trở nên vui vẻ khác thường. Chim chóc rủ nhau về làm tổ, ríu rít suốt cả ngày. Hươu, Nai kéo bầy tới kiếm mồi, nô đùa sớm tối.

Một hôm, có một hoàng tử vì mải mê săn bắn nên lạc bước tới chòi của Ka-Điêng. Đang khát nước lại nhìn thấy rẫy dưa tươi tốt, chàng bèn hái một trái bỏ ra ăn. Mới ăn được nửa trái chàng đã thấy no. Chàng có ý định chờ xem chủ nhân của rẫy dưa là ai để cảm ơn, nhưng chờ mãi mà không thấy. Hoàng tử đành lên ngựa tìm lối về.

Thấy người lạ đã đi khỏi, nàng Ka-Điêng mới từ chỗ nấp ra thăm dưa. Thấy nửa trái dưa chín đỏ bỏ dở, lấy làm tiếc bèn nhặt lên ăn nốt. Chẳng ngờ ít lâu sau, nàng mang thai. Đủ năm, Ka-Điêng sinh một bé trai mặt mày rất khôi ngô tuấn tú. Nàng Ka-Điêng không còn sống lẻ loi như trước nữa. Mặc dù không biết cha của đứa bé là ai nhưng nàng vẫn thấy vui sướng và hết lòng nâng niu chiều chuộng.

Một lần khác, hoàng tử lại dẫn quân vào rừng săn bắn. Lúc đi ngang qua rẫy dưa, chàng bỗng nghe có tiếng hát ru con văng vẳng. Giọng người hát buồn vơi vợi. Lời ru như giận dỗi, như oán trách. Hoàng tử lấy làm lạ và chàng quyết định đi tìm xem ai là người có tiếng hát quyến rũ ấy.

Nàng Ka-Điêng vừa trông thấy một người lạ bước vào chòi của mình, vội bỏ con nằm trên nôi rồi lẫn trốn. Hoàng tử vào chòi thấy đứa trẻ nằm một mình thì chàng bỗng lên đi quanh chòi ngóng tìm xem mẹ đứa bé ở đâu. Nàng Ka-Điêng từ chỗ nấp nhìn ra cũng rất ngạc nhiên vì thấy con mình giống người lạ mặt như đúc. Nàng còn đang bối rối không biết xử trí ra sao thì đứa bé chợt khóc thét lên. Nàng Ka-Điêng vội chạy ra với con. Thế là nàng bị lộ. Hoàng tử hết sức ngạc nhiên vì thấy mẹ của đứa trẻ khôi ngô, bụ bẫm kia lại là một người đàn bà vô cùng bé nhỏ. Hoàng tử và nàng Ka-Điêng chuyện trò tâm đầu ý hợp. Chàng thấy từ nay mình không thể sống thiếu Ka-Điêng và đứa bé được. Nàng Ka-Điêng cũng lấy làm cảm động trước tình cảm của hoàng tử nên bằng lòng kết nghĩa trăm năm cùng chàng.

Tin này thấu đến tai hai người anh của hoàng tử. Hai người anh vào tâu với vua cha để tìm cách chia cắt hoàng tử với nàng Ka-Điêng, vì họ cho rằng nàng là yêu ma hiện hình, dùng tà thuật để mê hoặc em mình.

Nhà vua vốn rộng lượng nhưng không thể không lo lắng về chuyện của hoàng tử út. Một hôm, nhà vua cho gọi cả ba người con trai lại truyền rằng :

– Các con đã khôn lớn cả rồi, sắp đến lúc thay cha trị vì thiên hạ. Trước lúc quyết định nhường ngôi cho ba con, ta muốn thử xem ai có tài, có đức hơn cả. Vậy, nội trong ba ngày, các con hãy đi tìm cho được thứ bánh nào ngon nhất rồi cùng vợ đem đến dâng cho ta và mẫu hậu thưởng thức. Ai không tuân lệnh sẽ bị nghiêm trị.

Hoàng tử út nghe lệnh vua truyền khắt khe như vậy thì lo sợ vô cùng vì nghĩ rằng vợ chồng mình nghèo chỉ có đám dưa duy nhất với cái chòi rách nát thì làm sao có được bánh ngon để dâng lên vua cha. Hờn nữa, nàng Ka-Điêng có hình dáng đâu như người bình thường mà dám đưa đến ra mắt nhà vua.

Nàng Ka-Điêng thấy chồng về với vẻ mặt không vui thì hỏi :